

Số: 03/2019/QĐST-KDTM

Ch S, ngày 25 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V N; Địa chỉ: 35 H V, quận H K, thành phố H N. Là nguyên đơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Nam D, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ch S thuộc Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển N G L.

Địa chỉ: 802 H V, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân L; Địa chỉ: Thôn Ch R, xã K HT, huyện Ch S, tỉnh G L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Hương Th; địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

2. Công ty TNHH một thành viên L LL.

Địa chỉ trụ sở Công ty: Tổ dân phố 9, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

Đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Xuân L; Địa chỉ: Thôn Ch R, xã K HT, huyện Ch S, tỉnh G L.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và phương thức thanh toán: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Nam D, bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Hương Th thống nhất thoả thuận như sau: Ông L và bà Th công nhận có

nợ và có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V N thông qua Phòng giao dịch Ch S thuộc Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển N G L tổng cộng số tiền là 2.619.328.768 đ (Hai tỷ sáu trăm mười chín triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng), trong đó: tiền gốc 2.300.000.000 đồng, tiền lãi 319.328.768 đồng (lãi tính đến ngày 17/9/2019), trả 01 lần vào ngày 31/12/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải (ngày 17/9/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 02/2017/7248342/HĐTD ngày 29 tháng 9 năm 2017 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7248342/HĐTD ngày 21 tháng 6 năm 2018 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ông Nguyễn Xuân L và bà Huỳnh Thị Hương Th thanh toán xong toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V N (viết tắt là BIDV) thông qua Phòng giao dịch Ch S thuộc Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển N G L có trách nhiệm trả lại cho ông L và bà Th giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 423422 được UBND huyện Chư Sê cấp ngày 26/7/2013 tên ông Nguyễn Xuân L và bà Huỳnh Thị Hương Th; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 420158 được UBND huyện Ch S cấp ngày 11/9/2013 tên ông Nguyễn Xuân L và bà Huỳnh Thị Hương Th; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 529088 được UBND huyện Ch S cấp ngày 23/8/2007 tên ông Nguyễn Xuân L và bà Huỳnh Thị Hương Th; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 420157 được UBND huyện Ch S cấp ngày 11/9/2013 tên ông Nguyễn Xuân L và bà Huỳnh Thị Hương Th; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 720724 được UBND huyện Ch S cấp ngày 26/02/2007 tên ông Nguyễn Xuân L và bà Huỳnh Thị Hương Th và trả cho Công ty TNHH một thành viên L L L Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, nhãn hiệu DONGFENG, số khung LGGXNMDN17L-005717, số loại EQ 3320GE, số máy IC6M340-20M41L2700046, biển kiểm soát 81C-006.58, chủ xe Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L L L, do công an tỉnh G L cấp ngày 03/10/2015.

2.3. Trong trường hợp ông Nguyễn Xuân L và bà Huỳnh Thị Hương Th không thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn, thì Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V N thông qua Phòng giao dịch Ch S thuộc Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển N G L có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/7248342/HĐBĐ ngày 25/6/2015 kèm theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản 01/2015/7248342/HĐBĐ ngày 25/6/2015 số 01/2016/7248342/SĐBS 19/10/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản 01/2015/7248342/HĐBĐ ngày 25/6/2015, Số 01/2017/7248342/SĐBS ngày 19/6/2017 và Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 01/2016/7248342/HĐBĐ ngày 18/10/2016 để thu hồi nợ.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2019, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hai hợp đồng thế chấp và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp trên hiện đang do ông L, bà Th quản lý, sử dụng và không có tranh chấp với ai.

2.4. Về án phí: Các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50% án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hai bên đương sự thoả thuận, ông L và bà Th chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 42.193.287 đồng = $\{[72.000.000đ + (2\% \times 619.328.768đ)] \times 50\%\}$ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 41.387.808 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V N thông qua Phòng giao dịch Chư Sê thuộc Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển N G L theo biên lai số 0007948 ngày 03/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

2.5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V N đã tạm nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng, nay chuyển thành chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Các đương sự thoả thuận, ông L và bà Th chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng. Do đó, ông L và bà Th có nghĩa vụ hoàn lại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V N thông qua Phòng giao dịch Ch S thuộc Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển N G L chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ch S;
- TAND tỉnh G L;
- Chi cục THADS huyện Ch S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiếu

